



của khu vực ven biển Nam Trung Bộ).

**Chọn A.**

**Câu 3:** Biện pháp nào sau đây được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta?

A. Làm ruộng bậc thang.

B. Chống nhiễm mặn.

C. Trồng cây theo băng.

D. Đào hồ kiểu vậ cá.

**Câu 3 (TH):**

**Phương pháp:**

Gạch chân từ khóa: đồng bằng.

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên (phần tài nguyên đất).

**Cách giải:**

Chống nhiễm mặn là biện pháp được sử dụng trong bảo vệ đất ở đồng bằng nước ta.

A, C, D sai vì đó là các biện pháp được sử dụng trong bảo vệ đất ở vùng đồi núi.

**Chọn B.**

**Câu 4:** Nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam chủ yếu là do nguyên nhân

A. Càng vào Nam thời tiết càng ổn định, gió mùa Đông Bắc suy giảm, Tây Nam mạnh.

B. Càng vào Nam góc nhập xạ càng nhỏ, ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam tăng cường.

C. Càng vào Nam vị trí càng gần xích đạo, ảnh hưởng gió Tín phong được tăng cường.

D. Càng vào Nam góc nhập xạ càng lớn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng giảm.

**Câu 4 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào các nguyên nhân làm cho nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam. Lưu ý tới các đặc điểm về vị trí, gió mùa.

**Cách giải:**

Nhiệt độ trung bình năm của nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam chủ yếu là do nguyên nhân càng vào Nam góc nhập xạ càng lớn, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng giảm.

- Góc nhập xạ: càng gần xích đạo, góc nhập xạ càng lớn. Miền Nam nằm gần Xích đạo hơn miền Bắc, do đó có góc nhập xạ lớn hơn và nhận được nhiều nhiệt hơn.

- Gió mùa Đông Bắc: khối không khí lạnh khô di chuyển từ lục địa châu Á xuống, gây ra mùa đông lạnh ở miền Bắc. Càng vào Nam, ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc càng suy yếu do quãng đường di chuyển dài và gần như bị chặn lại ở dãy Bạch Mã (do dãy núi này có hướng tây – đông). Từ dãy Bạch Mã trở vào Nam không có mùa đông lạnh, nhiệt độ cao quanh năm.

A, B, C sai vì thời tiết ổn định, gió Tây Nam, gió Tín phong không phải là nguyên nhân. Gió Tây Nam ảnh hưởng đến lượng mưa, không ảnh hưởng đến nhiệt độ. Gió Tín phong không phải là

nguyên nhân chủ yếu, chủ yếu do gió mùa Đông Bắc.

**Chọn D.**

**Câu 5:** Tác động chủ yếu của sự thay đổi mức sinh đến cơ cấu dân số nước ta hiện nay là

- A. tuổi thọ tăng lên, dân số già hóa, quy mô dân số dần ổn định.
- B. cơ cấu giới tính thay đổi, nguồn lao động tăng, tuổi thọ tăng.
- C. quy mô dân số tăng, nguồn lao động giảm đi, dân số trẻ hóa.
- D. chất lượng lao động cao, quy mô dân số giảm, thiếu lao động.

**Câu 5 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm về tỉ lệ sinh của nước ta và các tác động của sự thay đổi đó đến cơ cấu dân số nước ta.

**Cách giải:**

Tác động chủ yếu của sự thay đổi mức sinh (tỉ lệ sinh của nước ta ngày càng giảm) đến cơ cấu dân số nước ta hiện nay là tuổi thọ tăng lên, dân số già hóa, quy mô dân số dần ổn định.

- Tuổi thọ tăng lên: mức sinh giảm là một trong những điều kiện giúp nước ta phát triển phát triển hệ thống chăm sóc sức khỏe tốt, chất lượng sống được nâng cao,... => giúp tăng tuổi thọ trung bình.

- Dân số già hóa: Khi mức sinh giảm và tuổi thọ tăng, tỉ lệ người già trong tổng dân số tăng lên, dẫn đến hiện tượng già hóa dân số.

- Quy mô dân số dần ổn định: Mức sinh giảm làm chậm tốc độ tăng trưởng dân số.

B sai vì mức sinh giảm không ảnh hưởng đến cơ cấu giới tính mà ảnh hưởng đến cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.

C sai vì mức sinh giảm không làm tăng quy mô dân số và trẻ hóa dân số.

D sai vì mức sinh không liên quan, ảnh hưởng đến chất lượng lao động.

**Chọn A.**

**Câu 6:** Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là

- A. khôi phục nghề truyền thống.
- B. tiến hành thâm canh, tăng vụ.
- C. phát triển kinh tế hộ gia đình.
- D. khai hoang mở rộng diện tích.

**Câu 6 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào vấn đề việc làm ở nước ta.

**Cách giải:**

Để sử dụng có hiệu quả quỹ thời gian lao động dư thừa ở nông thôn, biện pháp tốt nhất là khôi phục nghề truyền thống. Các nghề truyền thống ở nông thôn thường sử dụng nhiều lao động, tận dụng

được thời gian nhàn rỗi của người dân ngoài việc làm nông nghiệp. Việc khôi phục và phát triển các nghề này không chỉ tạo ra việc làm, tăng thu nhập mà còn góp phần bảo tồn văn hóa địa phương.

**Chọn A.**

**Câu 7:** Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là

- A. ôn đới.                      B. nhiệt đới.                      C. cận nhiệt.                      D. xích đạo.

**Câu 7 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào ngành nông nghiệp (ngành trồng trọt).

**Cách giải:**

Cây công nghiệp ở nước ta có nguồn gốc chủ yếu là nhiệt đới do nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

**Chọn B.**

**Câu 8:** Phát biểu nào sau đây đúng với khu công nghiệp ở nước ta hiện nay?

- 2 A. Chỉ sản xuất hàng xuất khẩu.                      B. Ranh giới không xác định.  
C. Gắn với quá trình công nghiệp hóa.                      D. Chỉ thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 8 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm khu công nghiệp.

**Cách giải:**

Gắn với quá trình công nghiệp hóa là phát biểu đúng. Ở nước ta, khu công nghiệp được hình thành gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

**Chọn C.**

**Câu 9:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về hoạt động vận tải biển nước ta hiện nay?

- A. Chuyên chở nhiều hàng hóa xuất khẩu.                      B. Có các tuyến ven bờ hướng bắc - nam.  
C. Có nhiều cảng hàng hóa năng lực tốt.                      D. Chỉ tập trung vận chuyển hành khách.

**Câu 9 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào ngành giao thông vận tải (vận tải đường biển).

**Cách giải:**

Chỉ tập trung vận chuyển hành khách là phát biểu không đúng về hoạt động vận tải biển nước ta hiện nay. Ngành giao thông vận tải biển chủ yếu phục vụ cho việc vận chuyển hàng hóa xuất – nhập khẩu.

**Chọn D.**

**Câu 10:** Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. cung cấp sản lượng điện lớn cho cả nước sử dụng.
- B. phát triển việc nuôi trồng thủy sản, ngành du lịch.
- C. điều hòa nước lũ trong mùa mưa ở hạ lưu con sông.
- D. tạo động lực mới cho việc phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 10 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào khai thác thế mạnh và hướng phát triển kinh tế Trung du và miền núi Bắc Bộ (phần ngành thủy điện).

**Cách giải:**

Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển thủy điện ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là tạo động lực mới cho việc phát triển kinh tế - xã hội. Việc phát triển thủy điện cung cấp nguồn năng lượng quan trọng và ổn định cho các ngành kinh tế khác trong vùng. Nguồn điện này giúp thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất, tạo việc làm và nâng cao đời sống người dân.

A sai vì mặc dù thủy điện ở vùng đóng góp vào lưới điện quốc gia, nhưng đây không phải là ý nghĩa chủ yếu hướng tới sự phát triển trong vùng.

B sai vì các hồ thủy điện có thể hỗ trợ nuôi trồng thủy sản và du lịch, nhưng đây là lợi ích rất nhỏ so với tác động kinh tế - xã hội của vùng.

C sai vì một số hồ thủy điện có chức năng điều tiết lũ, nhưng đây không phải là mục tiêu phát triển thủy điện hàng đầu ở vùng này.

**Chọn D.**

**Câu 11:** Nguồn lao động của Đồng bằng sông Hồng có thể mạnh nổi bật là

- A. lực lượng lao động đông và trình độ cao.
- B. nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
- C. cần cù và chịu khó, trình độ quản lý cao.
- D. lao động đông, có tác phong công nghiệp.

**Câu 11 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào khái quát về đặc điểm dân số vùng Đồng bằng sông Hồng.

**Cách giải:**

Nguồn lao động của Đồng bằng sông Hồng có thể mạnh nổi bật là lực lượng lao động đông và trình độ cao.

B sai vì trước đây, lao động của nhiều vùng đều có nhiều kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp do nước ta xuất phát điểm là một nước nông nghiệp => đây không phải là thế mạnh nổi bật.

C sai vì cần cù và chịu khó là đặc điểm nổi bật của nguồn lao động vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung.

D sai vì có tác phong công nghiệp không phải là thế mạnh của lao động vùng này.

**Chọn A.**

**Câu 12:** Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi đại gia súc ở Bắc Trung Bộ là

- A. ứng dụng công nghệ cao, mở rộng thị trường.
- B. hiện đại hóa chuồng trại, phát triển chế biến.
- C. đảm bảo cơ sở thức ăn, dùng các giống mới.
- D. sản xuất quy mô lớn, thúc đẩy việc xuất khẩu.

**Câu 12 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào đặc điểm ngành chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò) ở Bắc Trung Bộ và liên hệ với các giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế.

Lưu ý, giải pháp chủ yếu hướng đến việc nâng cao hiệu quả kinh tế thông qua tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

**Cách giải:**

Giải pháp chủ yếu nâng cao hiệu quả kinh tế chăn nuôi đại gia súc ở Bắc Trung Bộ là ứng dụng công nghệ cao (việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào chăn nuôi như giống, quy trình chăm sóc, phòng bệnh, chế biến sẽ giúp tăng năng suất, chất lượng và giảm chi phí sản xuất, từ đó giúp các sản phẩm chăn nuôi cạnh tranh trên thị trường), mở rộng thị trường (giúp nâng cao giá trị gia tăng cho ngành chăn nuôi từ đó làm tăng doanh thu, mở rộng cơ hội xuất khẩu từ đó tạo động lực phát triển mạnh hơn ngành chăn nuôi đại gia súc).

B sai vì hiện đại hóa chuồng trại giúp tăng năng suất, giảm dịch bệnh; tuy nhiên đây không phải là giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả kinh tế.**10**

C sai vì đảm bảo cơ sở thức ăn là chưa đúng vì chăn nuôi đại gia súc ở Bắc Trung Bộ tập trung chủ yếu ở vùng đồi núi phía tây, nơi có nguồn thức ăn dồi dào. Giải pháp chủ yếu hướng đến việc nâng cao hiệu quả kinh tế thông qua tăng năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh trên thị trường.

D sai vì sản xuất quy mô lớn nhưng không chú trọng về công nghệ, chế biến thì hiệu quả là rất thấp.

**Chọn A.**

**Câu 13:** Biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng hệ số sử dụng đất ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. xây dựng hồ chứa nước, bảo vệ rừng đầu nguồn.
- B. bảo vệ rừng đầu nguồn, phòng chống thiên tai.
- C. xây dựng các hồ chứa nước, trồng cây chịu hạn.

**D.** đẩy mạnh thâm canh, phòng chống thiên tai.

**Câu 13 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào hạn chế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, từ đó đưa ra các biện pháp quan trọng hàng đầu để tăng hệ số sử dụng đất ở vùng này.

**Cách giải:**

Nền nông nghiệp của Duyên hải Nam Trung Bộ có hạn chế lớn nhất là có mùa khô kéo dài gây ra tình trạng thiếu nước nghiêm trọng, đặc biệt là các tỉnh cực Nam Trung Bộ. Thêm vào đó, vào mùa mưa, việc chặt phá rừng đầu nguồn làm cho lũ ở các sông lên nhanh.

=> Ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

=> Để tăng hệ số sử dụng đất nông nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ, biện pháp chủ yếu là xây dựng các hồ chứa nước để giải quyết vấn đề thiếu nước vào mùa khô và bảo vệ rừng đầu nguồn để hạn chế tác hại của lũ.

**Chọn A.**

**Câu 14:** Ý nghĩa lớn nhất của các hồ thủy điện đối với kinh tế của vùng Tây Nguyên là

- A.** cung cấp nước tưới cho các vườn cây công nghiệp trong mùa khô.
- B.** điều tiết nước cho các sông, cung cấp nước cho các ngành sản xuất.
- C.** tạo ra nguồn điện dồi dào và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- D.** thúc đẩy hoạt động du lịch sinh thái và cung cấp nước cho sinh hoạt.

**Câu 14 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế ở Tây Nguyên (phần ngành thủy điện) và liên hệ kiến thức về ý nghĩa lớn nhất của việc phát triển thủy điện, xây dựng hồ thủy điện đối với kinh tế ở vùng này.

**Cách giải:**

Ý nghĩa lớn nhất của các hồ thủy điện đối với kinh tế của vùng Tây Nguyên là tạo ra nguồn điện dồi dào và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Nguồn điện dồi dào: Tây Nguyên có tiềm năng thủy điện lớn nhờ địa hình cao nguyên dốc và hệ thống sông ngòi. Các hồ thủy điện đã khai thác hiệu quả tiềm năng này, cung cấp một lượng điện năng lớn cho cả vùng và cả nước.

- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế: Việc có nguồn điện ổn định và dồi dào là yếu tố then chốt để phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông sản (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu,...) và các ngành công nghiệp khác. Điều này giúp đa dạng hóa cơ cấu kinh tế của vùng, giảm sự phụ thuộc vào nông nghiệp thuần túy và tạo ra nhiều việc làm hơn.

A, B, D sai vì việc phát triển thủy điện, xây dựng các hồ thủy điện nhằm mục tiêu lớn nhất là tạo ra nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất.

**Chọn C.1**

**Câu 15:** Ngành công nghiệp mũi nhọn của vùng Đông Nam Bộ là

- A. khai thác và chế biến dầu khí.
- B. sản xuất điện tử, máy vi tính.
- C. sản xuất và chế biến thực phẩm.
- D. dệt và sản xuất trang phục.

**Câu 15 (NB):**

**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung phát triển các ngành kinh tế Đông Nam Bộ (phần ngành công nghiệp) hoặc dựa vào thế mạnh tự nhiên và suy luận.

**Cách giải:**

Ngành công nghiệp mũi nhọn của vùng Đông Nam Bộ là khai thác và chế biến dầu khí vì đây là vùng có nguồn tài nguyên dầu mỏ, khí đốt lớn nhất cả nước.

**Chọn A.**

**Câu 16:** Ý nghĩa chủ yếu của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. tăng hiệu quả sử dụng đất, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội.
- B. nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, giải quyết tốt vấn đề lương thực cả nước.
- C. phân bố lại dân cư, xóa đói giảm nghèo và tạo thêm nguồn hàng cho xuất khẩu.
- D. tăng sản lượng lương thực, thực phẩm, giải quyết việc làm và phát triển kinh tế.

**Câu 16 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lí tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long.

**Cách giải:**

Ý nghĩa chủ yếu của việc cải tạo đất phèn, đất mặn ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là tăng hiệu quả sử dụng đất, góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng hiệu quả sử dụng đất: Đất phèn và đất mặn là những loại đất có năng suất nông nghiệp thấp. Việc cải tạo chúng giúp mở rộng diện tích đất có thể canh tác, nâng cao năng suất trên đơn vị diện tích, từ đó tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên đất.

- Góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội: Việc tăng hiệu quả sử dụng đất và sản lượng nông nghiệp tạo ra nguồn thu nhập lớn hơn cho người dân, cải thiện đời sống, tạo thêm việc làm và đóng góp vào sự phát triển kinh tế chung của vùng và cả nước.

**Chọn A.**

**Câu 17:** Vùng kinh tế trọng điểm nào ở nước ta có nhiều tỉnh, thành phố nhất?

- A. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.
- B. Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung.
- C. Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.
- D. Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 17 (TH):**

**Phương pháp:**

Dựa vào nội dung các vùng kinh tế trọng điểm.

**Cách giải:**

Số lượng tỉnh, thành của các vùng kinh tế trọng điểm tính đến năm 2021:

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: 7 tỉnh, thành phố.
  - Vùng kinh tế trọng điểm miền Trung: 5 tỉnh, thành phố.
  - Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam: 8 tỉnh, thành phố.
  - Vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long: 4 tỉnh, thành phố.
- => Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có nhiều tỉnh, thành phố nhất.

**Chọn C.**

**Câu 18:** Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để

- A. đánh bắt cá và hoạt động du lịch.
- B. khai thác khoáng sản và vận tải.
- C. được ưu tiên phát triển.
- D. nuôi các gia súc lớn và gia cầm.

**Câu 18 (TH):**

**Phương pháp:**12

Dựa vào tài nguyên thiên nhiên ở vùng biển, các đảo và quần đảo.

**Cách giải:**

Các đảo ven bờ nước ta có nhiều tiềm năng để đánh bắt cá và hoạt động du lịch.

- Đánh bắt cá: Các đảo ven bờ thường có ngư trường phong phú, đa dạng về loài và trữ lượng hải sản. Đây là nguồn lợi quan trọng cho hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản của ngư dân địa phương và cả nước.
- Hoạt động du lịch: Với vẻ đẹp tự nhiên hoang sơ, bãi biển đẹp, khí hậu trong lành và hệ sinh thái biển độc đáo, các đảo ven bờ có tiềm năng lớn để phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

**Chọn A.**

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai**

<b>Câu</b>	1	2	3	4
<b>Đáp án</b>	SSĐĐ	SĐSĐ	ĐSĐS	SSĐĐ

**Câu 1:** Cho thông tin sau:

“Nhìn trên bản đồ sông ngòi, ta thấy ngay một mạng lưới dày đặc, cắt xẻ địa hình đồi núi trùng điệp và chảy ra Biển Đông. Tất cả có đến 2360 con sông dài từ 10 km trở lên nhưng sông dài trên 100 km chỉ hơn 2%. Hai nhân tố chính chi phối mạng lưới sông ngòi ở nước ta là lượng mưa và cấu trúc địa hình.”

*(Theo: Vũ Tự Lập, Địa lí tự nhiên Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, 2012, tr.159)*

- a) Mật độ sông ngòi trên lãnh thổ nước ta rất thưa thớt.
- b) Chế độ mưa thất thường nhưng chế độ dòng chảy khá ổn định.
- c) Chế độ nước sông phân mùa lũ - cạn theo sát nhịp điệu mùa mưa - khô.
- d) Sông ngòi ở nước ta chủ yếu là sông ngòi nhỏ và ngắn, nguồn nước cung cấp chủ yếu là nước mưa và nước từ bên ngoài lãnh thổ chảy vào.

**Câu 1 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung về biểu hiện của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa (phần sông ngòi).

**Cách giải:**

- a) Sai. Dựa vào đoạn thông tin, mật độ sông ngòi trên lãnh thổ nước ta dày đặc.
- b) Sai. Chế độ dòng chảy thất thường do chế độ mưa thất thường (chế độ dòng chảy ảnh hưởng bởi chế độ mưa).
- c) Đúng. Mùa mưa tương ứng với mùa lũ, mùa khô tương ứng với mùa cạn.
- d) Đúng.

**Câu 2:** Cho bảng số liệu sau:

### Diện tích và sản lượng lúa ở các vùng của nước ta, năm 2021

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	970,3	6020,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	662,2	3426,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1198,7	7200,2
Tây Nguyên	250,2	1466,3
Đông Nam Bộ	258,9	1411,8
Đồng bằng sông Cửu Long	3898,6	24327,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

- a) Đông Nam Bộ là vùng có diện tích trồng lúa thấp hơn Tây Nguyên.
- b) Sản lượng lúa phân theo vùng năm 2021 ở nước ta có sự khác nhau.
- c) Năm 2021, Đồng bằng sông Hồng là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.
- d) Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện bảng số liệu trên.

#### Câu 2 (VD):

##### Phương pháp:

- a, b) Dựa vào bảng số liệu.
- c) Dựa vào công thức tính: Năng suất = Sản lượng/Diện tích.
- d) Nhận dạng biểu đồ dựa vào các từ khóa: diện tích và sản lượng.

##### Cách giải:

- a) Sai. Diện tích trồng lúa của Đông Nam Bộ và Tây Nguyên lần lượt là 258,9 nghìn ha và 250,2 nghìn ha => Đông Nam Bộ là vùng có diện tích trồng lúa cao hơn Tây Nguyên.
- b) Đúng.
- c) Sai. Ta có:
  - Năng suất lúa vùng Đồng bằng sông Hồng là:  $6020,4/970,3 = 6,20$  tấn/ha. **13**
  - Tương tự, ta tính được năng suất lúa các vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ; Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ; Tây Nguyên; Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long lần lượt là: 5,17 tấn/ha; 6,0 tấn/ha; 5,86 tấn/ha; 5,45 tấn/ha; 6,24 tấn/ha.=> Đồng bằng sông Cửu Long là vùng có năng suất lúa cao nhất cả nước.
- d) Đúng. Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất thể hiện hai đối tượng có đơn vị khác nhau.

#### Câu 3: Cho thông tin sau:

"Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và cả năm 2023 do Tổng cục Thống kê công bố sáng 29/12 nhận định: "... hoạt động du lịch năm 2023 diễn ra sôi động". Tính chung cả năm 2023, khách

quốc tế đến nước ta đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách. Tuy vậy, Tổng cục Thống kê đánh giá, số lượng này mới chỉ bằng 70% năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch COVID-19."

*(Nguồn: Báo Nhân dân, ngày 29/12/2023)*

- a) Ngành du lịch Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ và trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.
- b) Năm 2023, ngành du lịch Việt Nam tăng trưởng bằng 70% so với năm 2019.
- c) Giai đoạn 2020 - 2021, du lịch phát triển chậm lại do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.
- d) Hoạt động du lịch biển phát triển đều nhau ở tất cả các vùng trong cả nước.

### **Câu 3 (VD):**

#### **Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành du lịch nước ta.

#### **Cách giải:**

- a) Đúng. Hiện nay, du lịch được coi là ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta.
- b) Sai. Đoạn thông tin có đề cập: "Tính chung cả năm 2023, khách quốc tế đến nước ta đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách. Tuy vậy, Tổng cục Thống kê đánh giá, số lượng này mới chỉ bằng 70% năm 2019" => Năm 2023, số khách quốc tế đến Việt Nam bằng 70% so với năm 2019.
- c) Đúng.
- d) Sai. Hoạt động du lịch biển phát triển không đều giữa các vùng do tài nguyên du lịch biển phân bố không đều.

### **Câu 4:** Cho thông tin sau:

Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước đạt 95,4 tỷ USD, tăng 6,8%, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 275,9 tỷ USD, tăng 11,8%, chiếm 74,3%.

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)*

- a) Khu vực kinh tế trong nước có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.
- b) Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu nước ta năm 2022 giảm so với năm 2021.
- c) Sản phẩm hàng hóa ngày càng đa dạng, chất lượng hàng hóa đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.
- d). Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh nhất do quá trình hội nhập và thu hút đầu tư.

### **Câu 4 (VD):**

#### **Phương pháp:**

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung ngành thương mại nước ta.

#### **Cách giải:**

- a) Sai. Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 11,8%; nhanh hơn so với khu vực có vốn đầu tư trong nước (tăng 6,8%).
- b) Sai. Đoạn thông tin có đề cập: “Năm 2022, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu đạt 371,3 tỷ USD, tăng 10,5% so với năm 2021.”
- c) Đúng.
- d) Đúng. Quá trình hội nhập, tăng cường tham gia vào các tổ chức kinh tế khu vực/thế giới giúp nước ta thu hút vốn đầu tư nước ngoài => từ đó làm khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

**PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

<b>Câu</b>	1	2	3	4	5	6
<b>Đáp án</b>	31,6	44,7	62,8	0,12	2015	164

**Câu 1:** Biết trên đỉnh núi Pu-xai-lai-leng cao 2711 m đang có nhiệt độ là 16,5 °C thì trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1 200 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

**Câu 1 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào sự thay đổi nhiệt độ theo đai cao: ở sườn khuất gió, cứ xuống 100m nhiệt độ giảm 1°C.

**Cách giải:**

Sự chênh lệch độ cao giữa 2 điểm trên là:  $2711 - 1200 = 511$  m.

Theo quy luật đai cao: ở sườn khuất gió, xuống 100m nhiệt độ giảm 1°C => Xuống 511 m nhiệt độ tăng 5,11°C.

=> Trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1 200 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là:  
 $16,5 + 5,11 = 31,61 \approx 31,6^\circ\text{C}$ .

**Câu 2:** Cho số liệu năm 2021 của nước ta về diện tích rừng là 148 nghìn km<sup>2</sup> và diện tích tự nhiên là 331 nghìn km<sup>2</sup>. Hãy cho biết độ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là bao nhiêu %? (kết quả làm tròn đến số thập phân thứ nhất)

**Câu 2 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

Độ che phủ rừng = (Diện tích rừng/Diện tích tự nhiên)\*100

**Cách giải:**

Độ che phủ rừng của nước ta năm 2021 là:  $(148/331)*100 = 44,7\%$ .

**Câu 3:** Năm 2021, dân số thành thị của nước ta là 36,6 triệu người và dân số nông thôn là 61,9 triệu người. Vậy tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân của %).

**Câu 3 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

**Cách giải:**

Tỉ lệ dân nông thôn của nước ta năm 2021 là:

$$[61,9 / (36,6 + 61,9)] * 100 = 62,8\%$$

**Câu 4:** Cho bảng số liệu:

**Tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử của nước ta, giai đoạn 2010-2022**

(Đơn vị : ‰)

Năm	2010	2015	2019	2020	2021	2022
Tỉ lệ sinh	17,1	16,2	16,3	16,3	15,7	15,2
Tỉ lệ tử	6,8	6,8	6,3	6,06	6,4	6,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Cho biết tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi bao nhiêu % so với năm 2010? (làm tròn kết quả đến 2 chữ số thập phân của %).

**Câu 4 (VD):**

**Phương pháp:**

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên} = (\text{Tỉ suất sinh} - \text{Tỉ suất tử}) / 10$$

**Cách giải:**

So với năm 2010, tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên của nước ta năm 2022 giảm đi:

$$[(17,1 - 6,8) / 10] - [(15,2 - 6,1) / 10] = 0,12\%$$

**Câu 5:** Cho bảng số liệu:

## Trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa ở nước ta, giai đoạn 2005 - 2021

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2021
Xuất khẩu	72,2	162,0	336,1
Nhập khẩu	84,8	165,7	332,9

(Nguồn: Tổng cục thống kê, 2006, 2011, 2016 và 2022)

Cho biết tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa nước ta trong giai đoạn 2010 - 2021 thấp nhất vào năm nào?

### Câu 5 (VD):

#### Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tỉ trọng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

#### Cách giải:

Tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2010 là:  $[84,8 / (72,2 + 84,8)] * 100 = 54,0\%$

Tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2015 là:  $[(162,0 / (162,0 + 165,7))] * 100 = 49,4\%$

Tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa của nước ta năm 2021 là:  $[(336,1 / (336,1 + 332,9))] * 100 = 50,2\%$

=> Tỉ trọng nhập khẩu hàng hóa của nước ta thấp nhất vào năm 2015.

**Câu 6:** Sản lượng điện nước ta tăng liên tục do nhu cầu sản xuất và sinh hoạt ngày càng tăng. Sản lượng điện từ 157 949 triệu kWh năm 2015 lên 258 790,9 triệu kWh năm 2022. Hãy tính tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2022 so với năm 2015 (lấy năm 2015 100%). (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của phần trăm).

### Câu 6 (VD):

#### Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Tốc độ tăng trưởng} = (\text{Giá trị năm sau} / \text{Giá trị năm gốc}) * 100$$

#### Cách giải:

Tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta năm 2022 so với năm 2015 là:

$$(258 790,9 / 157 949) * 100 = 164\%$$

----- HẾT -----